| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 4 – NINH BÌNH**<br>---------- | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 53/2025/QĐST-HNGĐ | *Ninh Bình, ngày 29 tháng 9 năm 2025* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 55/2025/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2025 về việc "Ly hôn" giữa:

**Nguyên đơn:** chị Trần Thị N, sinh ngày 27/01/1998; căn cước công dân số: 0371980011xx cấp ngày 02/11/2023 tại Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: xóm A, xã K, tỉnh Ninh Bình.

**Bị đơn:** anh Phạm Ngọc T, sinh ngày 13/4/1998; căn cước công dân số: 0490980014xx cấp ngày 24/5/2023 tại Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: xóm A, xã K, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 9 năm 2025.

## XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 9 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:** chị Trần Thị N và anh Phạm Ngọc T.

**2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

***2.1. Về con chung*:** chị Trần Thị N và anh Phạm Ngọc T không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về con riêng: chị Trần Thị N và anh Phạm Ngọc T xác định chị có 01 con riêng, tên cháu là Trần Thảo N1, sinh ngày 16 tháng 7 năm 2015 hiện đang do chị N nuôi dưỡng, còn anh T không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***2.2. Về tài sản:*** chị Trần Thị N và anh Phạm Ngọc T đều xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:*** chị Trần Thị N nộp toàn bộ án phí thuận tình ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) để sung Ngân sách Nhà nước. Được trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), tiền tạm ứng án phí chị đã nộp, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000891 ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

Hoàn trả lại cho chị Trần Thị N số tiền 150.000 (một trăm năm mươi nghìn đồng), tạm ứng án phí chị đã nộp.

**3**. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND khu vực 4 – Ninh Bình.
- Phòng THADS khu vực 4 - Ninh Bình.
- UBND xã K.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

***(ĐÃ KÝ)***

**Vũ Nhật Trung**